

Bản án số: 183/2023/HS-ST
Ngày 08-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 183/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 294/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Xuân P; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1984 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Đường L, phường LS, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân Đ (đã chết) và bà Dương Thị T; có vợ là chị Dương Thị H (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 155/HSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chưa được xóa án tích), bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023; tạm giam từ ngày 01/6/2023; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Cháu Phạm Thị Kim A, sinh ngày 07/12/2005; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho cháu Phạm Thị Kim A: Bà Dương Thị T, sinh năm 1954 (là bà nội của cháu A); có mặt.

Cùng cư trú: Đường L, phường LS, quận LC, thành phố Hải Phòng;

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân P:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1975; là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/5/2023, khi P đang ở nhà thì có người bạn xã hội tên T1“T2” khoảng 30 tuổi nhà ở khu vực đường H, quận LC, thành phố Hải Phòng gọi điện cho P nói có ma túy về sử dụng và bán để kiếm lời nên P đồng ý lấy 02 gam với giá 1.000.000 đồng và hẹn T1 mang đến nhà cho P. Đến khoảng 16h cùng ngày, T1 cầm ma túy đến đưa P 02 gam ma túy đá. P trả cho T1 800.000 đồng và nợ lại 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, P dự định nếu có khách hỏi mua, P sẽ bán lại với giá 1.200.000 đồng.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23/5/2023, tổ công tác Đội 2 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố Hải Phòng làm nhiệm vụ tại khu vực thôn T, xã A, huyện AD, thành phố Hải Phòng phát hiện trước cửa nhà số AB/C Đ, thôn T đối tượng Phạm Xuân P có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy. Khi bị lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra, P tự nguyện giao nộp 01 túi nilon chứa ma túy trong hộp nhựa màu trắng để trên tủ đầu giường trên gác xếp phòng ngủ của P, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, 02 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa trắng dạng ống hút dài khoảng 0,5cm và 01 xe máy Honda SH biển kiểm soát 15S1-035.XY P dùng làm P tiện đi lại. Từ ngày 14/5/2023 đến khi bị bắt, P đã sử dụng một phần, số ma túy còn lại P cất giấu tại phòng ngủ chưa kịp bán cho ai thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 410/KL-KTHS(MT) ngày 25/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ khi bắt quả tang của P là ma túy có khối lượng 0,72 gam là loại Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng xác minh đối tượng T1 “T2” là người P khai bán ma túy cho P là Đặng Thị Thiên T1, sinh năm 1993, nơi ĐKKHKT: Số M/N LT, phường Đ, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: Số E/F DH, phường T, quận LC, thành phố Hải Phòng. Quá trình triệu tập ghi lời khai, T1 khai nhận có quen biết P nhưng chưa bao giờ bán ma túy cho P hay có hoạt động liên quan đến ma túy với P.

Về vật chứng của vụ án: Số ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xanh đã qua sử dụng; 02 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa trắng dạng ống hút dài khoảng 5cm và 01 xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 15S1-035.XY đã chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Tại Cáo trạng số 183/CT-VKS-P1 ngày 21/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Phạm Xuân P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng. Bị cáo khai số ma túy mua của T1 “T2” bị cáo đã sử dụng một phần, phần còn lại bị thu giữ khi bắt 23/5/2023. Vỏ túi nilon và ống nhựa trắng bị cáo dự định dùng để chia nhỏ ma túy ra bán. Bị cáo trình bày có ông chú Phạm Xuân P1 là liệt sỹ và gia đình bị cáo thờ cúng nhưng không có tài liệu chứng minh. Chiếc xe moto Honda SH mode biển kiểm soát 15S1-035.XY bị thu giữ là của con gái bị cáo Phạm Thị Kim A do mẹ đẻ bị cáo mua cho cháu A bằng tiền mừng tuổi của cháu và mẹ bị cáo cho thêm. Con gái bị cáo ở cùng mẹ đẻ bị cáo, khi bị cáo mượn xe đi không nói với ai. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho con gái bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cháu Phạm Thị Kim A và người đại diện hợp pháp của cháu là bà Dương Thị T trình bày: Do cháu A sắp đủ tuổi để được thi giấy phép lái xe mô tô nên bà T đã mua chiếc xe moto Honda SH mode biển kiểm soát 15S1-035.XY và đăng ký xe mang tên cháu A để cháu có phương tiện đi lại. Tiền mua xe là tiền tiết kiệm từ tiền mừng tuổi của cháu A và tiền mà mọi người cho cháu. Cháu A ở với bà T, không ở cùng bố nên khi bị cáo P về nhà bà mượn xe chỉ nói đi có việc, không nói đi đâu. Gia đình và cháu A không biết việc bị cáo mua bán ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy trên cho cháu A.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Xuân P từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo phạm tội nhưng chưa thu lợi, bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1; 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 410MT/PC09 chứa ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định, 02 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa trắng dạng ống hút dài khoảng 5cm là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành và công cụ, P tiện phạm tội. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO màu xanh đã qua sử dụng và 02 sim là công cụ, P tiện phạm tội. Trả lại cho cháu Phạm Thị Kim A (con gái bị cáo) là chủ

sở hữu 01 xe máy Honda SH biển kiểm soát 15S1-035.XY do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo là người khuyết tật nặng nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị Phạm Xuân P trình bày quan điểm: Đồng ý với tội danh mà Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện để khoan hồng cho bị cáo do lượng ma túy bị cáo cất giữ để bán kiếm lời không lớn (0,72 gam Methamphetamine trong khi định lượng tối đa của khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 5 gam). Hơn nữa tội danh của bị cáo là mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo chưa bán được mà mới mua ma túy để nhằm mục đích bán, chưa thu lời nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi sẽ thấp hơn. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp ma túy ngay khi bị kiểm tra, khám xét mà không có hành vi chống đối. Nguyên nhân sâu xa của hành vi phạm tội do bị cáo bị khuyết tật nặng, sử dụng ma túy để giảm đau. Người bào chữa đồng ý đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo trình bày có ông chú Phạm Xuân P1 là liệt sỹ và gia đình bị cáo thờ cúng mặc dù bị cáo không có tài liệu chứng minh nhưng Bản án hình sự sơ thẩm số 155 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân cũng ghi nhận gia đình bị cáo có công với cách mạng để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên; người bào chữa đồng ý đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo; về vật chứng trả lại chiếc xe máy SH biển kiểm soát 15S1-035.XY cho cháu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Phạm Xuân P có hành vi mua và cất giấu tại nơi ở 0,72 gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho người khác nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm chính sách quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với các chất ma túy, góp phần làm suy giảm sức khỏe của bản thân và cộng đồng, còn xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo P có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo là người khuyết tật nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo trình bày có ông chú họ Phạm Xuân P1 là liệt sỹ nhưng không có tài liệu chứng minh quan hệ giữa ông P1 với bị cáo và gia đình bị cáo có thờ cúng liệt sỹ nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo phạm tội nhưng chưa thu lời bất chính, bị cáo là người khuyết tật nặng, không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[6] Do chất ma túy là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; các vật chứng thu giữ là công cụ, P tiện phạm tội nên căn cứ điểm a, c khoản 1; 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 410MT/PC09 chứa ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định, 02 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa trắng dạng ống hút dài khoảng 5cm; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO màu xanh và 02 sim đã qua sử dụng là P tiện bị cáo dùng để liên lạc khi mua bán ma túy;

[7] Trả lại cho cháu Phạm Thị Kim A là chủ sở hữu 01 xe máy Honda SH biển kiểm soát 15S1-035.XY theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Hình sự do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Về án phí: Bị cáo là người khuyết tật nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp được quyền kháng cáo phần liên quan trong bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Trong vụ án này còn Đặng Thị Thiên T1 theo lời khai của bị cáo là người bán ma túy cho bị cáo P. Tuy nhiên, T1 không thừa nhận bán ma túy cho bị cáo P, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ kết luận T1 có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Phạm Xuân P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 5 năm 2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1; 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ma túy và vỏ bao bì số 410MT/PC09, 02 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa trắng dạng ống hút dài khoảng 5cm.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO màu xanh đã qua sử dụng và 02 sim.

Trả lại cháu Phạm Thị Kim A 01 xe máy Honda SH biển kiểm soát 15S1-035.XY

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Xuân P được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp được kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu